

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HIỆP
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/DS - ST
Ngày: 27-5-2020
V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Trúc Phương

2. Ông Đinh Khắc Việt

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Cẩm Ni, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.*
Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 27 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2019/TLST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXX-DS ngày 19 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số :01/2020/QĐST - DS ngày 06/3/2020 và Quyết định tạm ngưng phiên tòa số: 02/2020/QĐST- DS ngày 27/3/2020 giữa các đương sự:

1/. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần K.

Địa chỉ: Số 40- 42 - 44, Phạm T, phường V, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A, chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Văn T, chức vụ: Giám đốc chi nhánh Rạch Giá quyết định “*V/v ủy quyền thường xuyên đại diện Ngân hàng TMCP K thực hiện các thủ tục bán đấu giá tài sản bảo đảm, khởi kiện, thi hành án*” số 611203/QĐ-NHKL ngày 24/4/2018 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP K.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Lê Văn Đ, sinh năm: 1963 Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP K, phòng giao dịch Kinh T huyện H, tỉnh Kiên Giang. Theo giấy ủy quyền số: 1500/UQ –NHKL ngày 18/7/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP K.

2/. Bị đơn: Bà Phạm Thị Kim P, sinh năm: 1963 (Có mặt)

Ông Hoàng Văn T, (Thông) sinh năm: 1958 (Vắng mặt)

Cùng trú tại: ấp Kinh B, xã Thạnh A, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

3/. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Anh Hoàng Anh T, sinh năm: 1988 (Vắng mặt)

Chị Hoàng Thị Thanh T, sinh năm: 1994 (Vắng mặt)

Cùng trú tại: ấp Kinh 8, xã Thạnh A, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Chị Hoàng Thị Lan P, sinh năm: 1991 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Đông L, xã Xuân T, huyện Thống N, tỉnh Đồng Nai.

Ông Phạm Hữu T sinh năm: 1975 (có mặt)

Bà Nguyễn Thị Mộng K, sinh năm: 1978 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Kinh 8, xã Thạnh A, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/01/2019 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng ông Lê Văn Đ trình bày:

Nguyên ông Hoàng Văn T cùng vợ là bà Phạm Thị Kim P có đến Ngân hàng TMCP K – PGD Kinh Tám huyện Tân Hiệp (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) vay số tiền **250.000.000đ** (Hai trăm năm mươi triệu đồng) theo hợp đồng cấp tín dụng TN0303HĐTD + phụ lục hợp đồng tính dụng số: TN0303/PLHĐTD2 ngày 17/9/2014. Cụ thể như sau:

Số tiền vay: **250.000.000đ** (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

Mục đích: Sản xuất lúa nước, chăn nuôi heo.

Thời hạn vay: 36 tháng.

Ngày giải ngân: 17/9/2014, ngày đến hạn: 17/9/2017.

Lãi suất vay: 12,96%/ năm, được điều chỉnh 03 tháng/lần vào ngày đầu tiên của kỳ hạn kế tiếp và được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm (VNĐ) kỳ hạn 13 tháng, lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng tại thời điểm thay đổi lãi suất cho vay cộng thêm 4,77%/năm. Lãi suất ngay sau khi điều chỉnh không được thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu hiện hành tại đơn vị (cùng loại hình và phương thức vay).

Lãi suất nợ quá hạn: bằng 150% (gấp 1,5 lần) lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Hình thức thanh toán: Trả lãi 06 lần/đợt. Lần 01: ngày 17/3/2015, lần 02: ngày 17/9/2015, lần 3: ngày 17/3/2016, Lần 4: ngày 17/9/2016, lần 5: ngày

17/3/2017, lần 6: ngày 17/9/2017 nếu không trả đầy đủ và đúng hạn Ngân hàng sẽ thu thêm số tiền phạt chậm trả lãi với lãi suất phạt bằng 0,05,%/ ngày /số tiền lãi chậm trả. Trả gốc trả cuối kỳ.

Hợp đồng cấp tín dụng + phục lục nêu trên được bảo đảm bởi hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số TN0303/HĐTC ngày 17/9/2017 được ký kết giữa đại diện Ngân hàng với ông Hoàng Văn T cùng vợ là bà Phạm Thị Kim P và đã được Văn Phòng công chứng huyện H chứng thực ngày 17/9/2014, tài sản thế chấp bảo đảm nợ vay gồm:

Quyền sử dụng đất hai lúa (diện tích 14.000m²) đất tọa lạc tại ấp Đá Nồi A, xã Thạnh Đ, huyện H, tỉnh Kiên Giang; thuộc thửa đất số 621 tờ bản đồ số 15 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số W546749 do UBND huyện Tân Hiệp cấp ngày 15/7/2004 do hộ ông bà Phạm Thị Kim P đứng tên.

Tài sản thế chấp nêu trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Tân Hiệp ngày 17/9/2014.

Trong quá trình vay vốn ông Hoàng Văn T cùng vợ là bà Phạm Thị Kim P liên tục vi phạm hợp đồng, không thanh toán nợ cho Ngân hàng khi đến hạn, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở và ông (bà) cũng đã nhiều lần cam kết nhưng không thực hiện đúng cam kết và hiện tại hợp đồng đã quá hạn thanh toán nhưng ông (bà) vẫn chưa thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

Tạm tính đến ngày 27/5/2020, ông Hoàng Văn T cùng vợ là bà Phạm Thị Kim P còn nợ Ngân hàng tổng số tiền:

Khoản mục	Hợp đồng số TN0303/HĐTD + phục lục
Vốn gốc	250.000.000đ
Lãi trong hạn	92.635.208đ
Phạt chậm trả lãi	67.427,568đ
Lãi quá hạn	122.467.813đ

Tổng cộng 532.226.676 đồng (Năm trăm ba mươi hai triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn sáu trăm bảy mươi sáu đồng).

Căn cứ Hợp đồng cấp tín dụng TN0303HĐTD + phụ lục hợp đồng tính dụng số: TN0303/PLHĐTD2 ngày 17/9/2014 được ký kết giữa đại diện Ngân hàng với ông Hoàng Văn T cùng vợ là bà Phạm Thị Kim P.

Căn cứ hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số TN0303/HĐTC ngày 17/9/2014 được ký kết giữa đại diện Ngân hàng với ông Hoàng Văn T cùng vợ là bà Phạm Thị Kim P.

Căn cứ các quy định của pháp luật hiện hành.

Nay, Ngân hàng có đơn khởi kiện ông Hoàng Văn T cùng vợ là bà Phạm Thị Kim P gửi đến Tòa án nhân dân huyện Tân H yêu cầu xem xét, giải quyết các nội dung sau:

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng ông Lê Văn Đ xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần phạt lãi chậm trả với số tiền là 67.023.655đ – **532.226.676 đồng** = 465.203.021đ (*Bốn trăm sáu mươi lăm triệu hai trăm lẻ ba nghìn không trăm hai mươi một đồng*).

Ngân hàng yêu cầu ông Hoàng Văn T cùng vợ là bà Phạm Thị Kim P trả cho Ngân hàng TMCP K tổng số tiền 465.203.021đ (*Bốn trăm sáu mươi lăm triệu hai trăm lẻ ba nghìn không trăm hai mươi một đồng*) và tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc tính đến ngày 27/5/2020. Trong đó số vốn gốc 250.000.000đ, lãi trong hạn 92.635.208đ, lãi quá hạn 122.467.813đ, theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Trường hợp ông Hoàng Văn T cùng vợ là bà Phạm Thị Kim P không trả hoặc trả không dứt nợ trong thời gian thỏa thuận hoặc khi bản án có hiệu lực thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Theo bản tự khai ngày 12 tháng 9 năm 2019 bà Phạm Thị Kim P trình bày:

Nguyên trước đây vào năm 2014 vợ chồng bà có đến Ngân hàng thương mại cổ phần K phòng giao dịch Kinh Tám huyện Tân H hỏi vay số tiền là **250.000.000đ** (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*) số tiền này ông bà đứng ra vay cho bà Phạm Thị H.

Vợ chồng ông bà có thể chấp vay vốn cho Ngân hàng quyền sử dụng đất hai lúa (diện tích 14.000m²) đất tọa lạc tại ấp Đá A, xã Thạnh Đ, huyện H, tỉnh Kiên Giang; thuộc thửa đất số 621 tờ bản đồ số 15 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W546749 do UBND huyện Tân H cấp ngày 15/7/2004 do hộ ông bà Phạm Thị Kim P đứng tên.

Tài sản thế chấp nêu trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Tân H ngày 17/9/2014.

Từ năm 2014 cho đến nay vợ chồng bà không trả nợ gốc và trả lãi cho Ngân hàng. Nay, Ngân hàng K khởi kiện ra Tòa án yêu cầu vợ chồng bà trả số tiền 465.203.021đ (*Bốn trăm sáu mươi lăm triệu hai trăm lẻ ba nghìn không trăm hai mươi một đồng*) và tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc tính đến ngày 27/5/2020. Trong đó số vốn gốc 250.000.000đ, lãi trong hạn 92.635.208đ, lãi quá hạn 122.467.813đ bà thừa nhận còn nợ Ngân hàng số tiền trên bà cam kết sẽ bán đất trả cho Ngân hàng mong được Ngân hàng và Tòa án tạo điều kiện cho vợ chồng bà xin trả số nợ gốc là 250.000.000đ và xin giảm phần lãi suất. Bà P cho rằng phần đất bà đang thế chấp tại Ngân hàng bà đang cầm cố cho ông Phạm Hữu T với số tiền là 200.000.000 thời gian cố là 03 năm hiện nay ông T đang canh tác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: ông Phạm Hữu T và bà Nguyễn Thị Mộng K trình bày theo bản tự khai ngày 16/12/2019 và tại phiên tòa cho rằng trước đây vào ngày 14/9/2014 vợ chồng bà có cổ một miếng đất của vợ chồng bà Phạm Thị Kim P diện tích là 14.000m² thời gian cổ 03 năm với giá là 200.000.000đ khi cổ hai bên có làm giấy tay. Nếu đến hạn không có khả năng chuộc đất thì vợ chồng bà vẫn tiếp tục canh tác.

Nay, Ngân hàng khởi kiện vợ chồng bà P ông T tại Tòa án và yêu cầu trả số tiền gốc, lãi là 465.203.021đ (*Bốn trăm sáu mươi lăm triệu hai trăm lẻ ba nghìn không trăm hai mươi một đồng*) và tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc tính đến ngày 27/5/2020. Trong đó số vốn gốc 250.000.000đ, lãi trong hạn 92.635.208đ, lãi quá hạn 122.467.813đ. Vợ chồng ông bà không có ý kiến và yêu cầu gì trong vụ kiện này. Trường hợp ông T, bà P không có khả năng trả cho Ngân hàng và khi bản án có hiệu lực cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp thì ông bà sẽ mua đấu giá lại phần đất này.

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt, hợp lệ giấy triệu tập cho bị đơn ông Hoàng Văn T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Anh T chị Hoàng Thị Lan P chị Hoàng Thị Thanh T tham gia phiên họp kiểm tra việc, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng ông T, chị Lan P, chị Thanh T và anh Anh T không có mặt và không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Hoàng Văn T, bà Phạm Thị Kim P trả cho Ngân hàng TMCP K tổng số tiền là 465.203.021đ (*Bốn trăm sáu mươi lăm triệu hai trăm lẻ ba nghìn không trăm hai mươi một đồng*) và tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc tính đến ngày 27/5/2020. Trong đó số vốn gốc 250.000.000đ, lãi trong hạn 92.635.208đ, lãi quá hạn 122.467.813đ, theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán dứt nợ. Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Ngân hàng thương mại cổ phần K khởi kiện ông Hoàng Văn T, bà Phạm Thị Kim P. Ông T, bà P có nơi cư trú tại: ấp Kinh 8, xã Thạnh A, huyện H, tỉnh Kiên Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Hoàng Văn T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên anh Hoàng Anh T, chị Hoàng Thị Lan P, chị Hoàng Thị Thanh T đã được Tòa án triệu tập phiên tòa lần 2 nhưng ông Thường, chị Lan P, chị Thanh T, anh

Anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T, chị Lan P, chị Thanh T, anh Anh T.

[4] Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, Ngân hàng xin rút lại phần lãi chậm trả với số tiền 67.023.655đ việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này hoàn toàn tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận việc thay đổi một phần khởi kiện của phía nguyên đơn.

[5] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Hội đồng xét xử xét thấy trước đây ông Hoàng Văn T, bà Phạm Thị Kim P có đến Ngân hàng TMCP K – PGD Kinh Tám huyện Tân H ký hợp đồng vay vốn cụ thể như sau:

Theo hợp đồng cấp tín dụng TN0303HĐTD + phụ lục hợp đồng tính dụng số: TN0303/PLHĐTD2 ngày 17/9/2014. Cụ thể như sau:

Số tiền vay: **250.000.000đ** (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

Mục đích: Sản xuất lúa nước, chăn nuôi heo.

Thời hạn vay: 36 tháng.

Ngày giải ngân: 17/9/2014, ngày đến hạn: 17/9/2017.

Lãi suất vay: 12,96%/ năm, được điều chỉnh 03 tháng/lần vào ngày đầu tiên của kỳ hạn kế tiếp và được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm (VNĐ) kỳ hạn 13 tháng, lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng tại thời điểm thay đổi lãi suất cho vay cộng thêm 4,77%/năm. Lãi suất ngay sau khi điều chỉnh không được thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu hiện hành tại đơn vị (cùng loại hình và phương thức vay).

Lãi suất nợ quá hạn: bằng 150% (gấp 1,5 lần) lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Hình thức thanh toán: trả lãi 06 lần/đợt. Lần 01: ngày 17/3/2015, lần 02: ngày 17/9/2015, lần 3: ngày 17/3/2016, Lần 4: ngày 17/9/2016, lần 5: ngày 17/3/2017, lần 6: ngày 17/9/2017 nếu không trả đầy đủ và đúng hạn Ngân hàng sẽ thu thêm số tiền phạt chậm trả lãi với lãi suất phạt bằng 0,05, %/ ngày /số tiền lãi chậm trả. Trả gốc trả cuối kỳ.

Xét giao dịch giữa ông Hoàng Văn T, bà Phạm Thị Kim P được xác lập trên cơ sở tự nguyện, các bên đương sự đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hợp đồng được lập thành văn bản có chữ ký, xác nhận của các bên, không bị lừa dối, hay cưỡng ép, không trái đạo đức xã hội nên giao dịch dân sự trên là phù hợp với quy định pháp luật. Trong quá trình vay ông T, bà P đã nhận đủ số tiền vay nhưng từ ngày vay cho đến nay ông bà không đóng lãi và trả nợ gốc. Mặc dù Ngân hàng có đến nhắc nhở làm việc nhiều lần nhưng ông T, bà P cố tình tránh né không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm nghĩa vụ của bên vay.

Theo quy định tại Điều 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 21 Thông tư số: 39/2016/TT – NHNN ngày 30/12/2016 Quy định hoạt động cho vay của các

tổ chức tín dụng chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng và Điều 3 của hợp đồng tín dụng TN0303HĐTD + phụ lục hợp đồng tính dụng số: TN0303/PLHĐTD2 ngày 17/9/2014 thì ông T, bà P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi cho Ngân hàng. Vì vậy Ngân hàng TMCP K yêu cầu ông T, bà P trả số tiền gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn còn nợ theo hợp đồng tín dụng là có căn cứ phù hợp với quy định.

[6] Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số TN0303/HĐTC ngày 17/9/2014 được ký kết giữa đại diện Ngân hàng với ông Hoàng Văn T cùng vợ là bà Phạm Thị Kim P được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Tân Hiệp ngày 17/9/2014, tài sản thế chấp bảo đảm nợ vay gồm:

Quyền sử dụng đất hai lúa (diện tích 14.000m²) đất tọa lạc tại ấp Đá A, xã Thạnh Đ, huyện H, tỉnh Kiên Giang; thuộc thửa đất số 621 tờ bản đồ số 15 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số W546749 do UBND huyện Tân H cấp ngày 15/7/2004 do hộ ông bà Phạm Thị Kim P đứng tên.

[7] Xét về hình thức và nội dung hợp đồng thế chấp, trình tự và thẩm quyền đăng ký thế chấp của hai hợp đồng nêu trên là phù hợp theo quy định tại các Điều 342,343,344,715,716,717,719 Bộ luật dân sự năm 2005. Có đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm, nên hợp đồng thế chấp có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành. Trong hợp đồng có giao kết về quyền và nghĩa vụ của các bên, điều kiện, thời hạn và phương thức xử lý tài sản thế chấp khi nghĩa vụ đến hạn mà người vay nợ không thực hiện. Do đó, Ngân hàng yêu cầu nếu ông T bà P không tự nguyện trả nợ, thì Ngân hàng yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp thu hồi nợ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Xét lời khai của bà Phạm Thị Kim P cho rằng hiện nay kinh tế gia đình đang gặp khó khăn bà xin giảm phần lãi suất, xin trả số nợ gốc là 250.000.000đ và hứa sẽ bán đất thanh trả hết nợ cho Ngân hàng. Nếu đến hạn không trả thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Việc bà T xin giảm phần lãi và xin có thời gian trả dần không được Ngân hàng đồng ý, nên yêu cầu của bà P không có cơ sở chấp nhận. Hơn nữa, trước đây Ngân hàng đã đồng ý để cho ông T, bà P có thời gian thanh toán số tiền còn thiếu nhưng ông T, bà P không thực hiện đúng theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ.

[9] Đối với bị đơn ông Hoàng Văn T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên anh Hoàng Anh T, chị Hoàng Thị Lan P, chị Hoàng Thị Thanh T từ khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, Thông báo phiên họp việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết Định đưa vụ án ra xét xử và Quyết Định hoãn phiên tòa, Quyết định tạm ngừng phiên tòa nhưng ông T, chị Lan P, chị Thanh T, anh Anh T không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có văn bản trả lời cho Tòa án,

không đưa ra chứng cứ và cũng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan nên căn cứ theo khoản 2, khoản 4, Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

[10] Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phạm Hữu T và bà Nguyễn Thị Mộng K không có ý kiến và yêu cầu gì trong vụ kiện này. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những cơ sở trên xét thấy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần K yêu cầu ông Hoàng Văn T, bà Phạm Thị Kim P trả tổng số tiền 465.203.021đ (*Bốn trăm sáu mươi lăm triệu hai trăm lẻ ba nghìn không trăm hai mươi một đồng*) và tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc tính đến ngày 27/5/2020. Trong đó số vốn gốc 250.000.000đ, lãi trong hạn 92.635.208đ, lãi quá hạn 122.467.813đ, theo hợp đồng cấp tín dụng TN0303HĐTD + phụ lục hợp đồng tính dụng số: TN0303/PLHĐTD2 ngày 17/9/2014 là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Giá trị tài sản tranh chấp là: 465.203.021đ (*Bốn trăm sáu mươi lăm triệu hai trăm lẻ ba nghìn không trăm hai mươi một đồng*)

Án phí tính như sau: $20.000.000\text{đ} + (465.203.021\text{đ} \times 4\%) = 22.608.120\text{đ}$ (*Hai mươi hai triệu sáu trăm lẻ tám nghìn một trăm hai mươi đồng*).

- Yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần K được chấp nhận nên Ngân hàng thương mại cổ phần K không phải chịu tiền án phí. Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền tạm ứng án phí 10.951.000đ (*Mười triệu chín trăm năm mươi một nghìn đồng*) đã nộp theo lai thu số 0003520 ngày 22/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Buộc ông Hoàng Văn T, bà Phạm Thị Kim P phải nộp là 22.608.120đ (*Hai mươi hai triệu sáu trăm lẻ tám nghìn một trăm hai mươi đồng*).

[12] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, , Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228, khoản 2 Điều 244 và khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 342,343,344,715,716,717,719 Bộ luật dân sự năm 2005. Điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm. Điều 21 Thông tư số: 39/2016/TT – NHNN ngày 30/12/2016 Quy định hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K.

2. Buộc ông Hoàng Văn T, bà Phạm Thị Kim P trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền là 465.203.021 (*Bốn trăm sáu mươi lăm triệu hai trăm lẻ ba nghìn không trăm hai mươi một đồng*) và tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc tính đến ngày 27/5/2020. Trong đó số vốn gốc 250.000.000đ, lãi trong hạn 92.635.208đ, lãi quá hạn 122.467.813đ, theo hợp đồng cấp tín dụng số TN0303HĐTD + phụ lục hợp đồng tính dụng số: TN0303/PLHĐTD2 ngày 17/9/2014.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số TN0303HĐTD + phụ lục hợp đồng tính dụng số: TN0303/PLHĐTD2 ngày 17/9/2014 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Kể từ ngày ông T, bà P thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng TMCP K có trách nhiệm trả lại cho ông T, bà P 01 (Một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cụ thể như sau:

Quyền sử dụng đất hai lúa (diện tích 14.000m²) đất tọa lạc tại ấp Đá A, xã Thạnh Đ, huyện Tân H, tỉnh Kiên Giang; thuộc thửa đất số 621 tờ bản đồ số 15 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W546749 do UBND huyện Tân H cấp ngày 15/7/2004 do hộ ông bà Phạm Thị Kim P đứng tên.

Trong trường hợp ông T, bà P không thanh toán nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần K hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng cấp tín dụng số TN0303HĐTD + phụ lục hợp đồng tính dụng số: TN0303/PLHĐTD2 ngày 17/9/2014 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất

và tài sản gắn liền với đất số TN0303/HĐTC ngày 17/9/2014 đã được ký kết giữa đại diện Ngân hàng với ông Hoàng Văn T và bà Phạm Thị Kim P để thu hồi nợ.

3. Về Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long được chấp nhận nên Ngân hàng thương mại cổ phần K không phải chịu tiền án phí. Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền tạm ứng án phí 10.951.000đ (*Mười triệu chín trăm năm mươi một nghìn đồng*) đã nộp theo lai thu số 0003520 ngày 22/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Buộc ông Hoàng Văn T, bà Phạm Thị Kim P phải nộp là 22.608.120đ (*Hai mươi hai triệu sáu trăm lẻ tám nghìn một trăm hai mươi đồng*).

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần K, bà Phạm Thị Kim P, ông Phạm Hữu T, bà Nguyễn Thị Mộng K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Hoàng Văn T, anh Hoàng Anh T, chị Hoàng Thị Lan P, chị Hoàng Thị Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Kiên Giang.
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- THA dân sự huyện Tân Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Vũ

